

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ ra, vào
bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động
vận tải đường bộ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
dịch vụ ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ ra, vào bến xe
ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các bến xe ô tô và các cơ quan, tổ chức, cá
nhân liên quan đến dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ ra, vào bến xe ô tô

Chủng loại cụ thể	STT	Tên gọi chi tiết
Xe khách tuyến cố định	1	Xe ô tô chở người đến 16 chỗ ngồi
	2	Xe ô tô chở người trên 16 chỗ ngồi đến 35 chỗ ngồi
	3	Xe ô tô chở người trên 35 chỗ ngồi và xe giường nằm
Xe buýt	1	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi
	2	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ đến dưới 15 chỗ ngồi
	3	Xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi đến dưới 30 chỗ ngồi
	4	Xe ô tô chở người từ 30 chỗ ngồi, chỗ đứng đến dưới 40 chỗ ngồi, chỗ đứng
	5	Xe ô tô chở người từ 40 chỗ ngồi, chỗ đứng đến dưới 50 chỗ ngồi, chỗ đứng
	6	Xe ô tô chở người từ 50 chỗ ngồi, chỗ đứng đến dưới 60 chỗ ngồi, chỗ đứng

	7	Xe ô tô chở người từ 60 chỗ ngồi, chỗ đứng trở lên
Xe ô tô tải	1	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ dưới 3 tấn, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ
	2	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 3 tấn đến dưới 5 tấn
	3	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 5 tấn đến dưới 10 tấn
	4	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 10 tấn đến dưới 15 tấn
	5	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 15 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet
	6	Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng container 40 feet
Các loại xe khác	1	Xe taxi; xe ô tô con (không kinh doanh vận tải)
	2	Xe trung chuyển hành khách
	3	Các loại xe ô tô chở người (trừ xe tuyến cố định, xe buýt, xe trung chuyển hành khách) đến 16 chỗ
	4	Các loại xe ô tô chở người (trừ xe tuyến cố định, xe buýt, xe trung chuyển hành khách) trên 16 chỗ
	5	Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ
	6	Xe mô tô, xe gắn máy

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .15. tháng.02 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, X3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng